

Án số: 131/2017/HSST

Ngày 23 - 8 - 2017

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Xuân Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Sinh Chi

2. Bà Phạm Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Khánh Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình.

- Đại diện VKSND thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 23 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 122/2017/HSST ngày 27 tháng 7 năm 2017, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 137/2017/QĐXX - ST ngày 10 tháng 8 năm 2017, đối với các bị cáo:

1. Họ tên: **Phạm Văn T**, sinh ngày 10/11/1994.

Nơi cư trú: Thôn P, xã N, huyện K, tỉnh T.

Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12.

Con ông Phạm Văn T - SN 1969; Con bà Đỗ Thị H - SN 1973.

Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất.

Bị cáo chưa có vợ con.

- Tiền án, Tiền sự: Không.

- Nhân thân: Từ nhỏ được gia đình nuôi ăn học hết lớp 9/12, sau nghỉ học ở nhà lao động tự do.

Bị tạm giữ kể từ ngày 20/6/2017 đến ngày 23/6/2017 chuyển tạm giam.

2. Họ tên: **Bùi Văn Q**, sinh ngày 13/01/1996.

Nơi cư trú: Thôn P, xã N, huyện K, tỉnh Thái Bình

Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12.

Con ông Bùi Văn T - SN 1962; Con bà Nguyễn Thị B - SN 1970.

Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất.

Bị cáo chưa có vợ con.

- Tiền án, Tiền sự: Không.

- Nhân thân: Từ nhỏ được gia đình nuôi ăn học hết lớp 12/12, sau nghỉ học ở nhà lao động tự do.

Bị tạm giữ kể từ ngày 20/6/2017 đến ngày 23/6/2017 chuyển tạm giam.

(Các bị cáo trích xuất có mặt tại phiên tòa)

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà Đỗ Thị H - SN 1973 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn P, xã N, huyện K, tỉnh T.

4. Người làm chứng:

- Anh Đào Xuân H - SN 1973 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện K, tỉnh T.

- Anh Trần Văn T- SN 1993 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã V, thành phố T, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 00 phút, ngày 19/6/2017 Phạm Văn T điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda AirBlade FI, màu vàng đen trắng biển số 17B9-092.53 đi chơi tại Thôn P, xã N, huyện K, tỉnh T thì gặp Bùi Văn Q đang đi bộ. Q rủ T có tiền không đi mua ma túy đá về cùng sử dụng. T nói T có tiền nhưng không biết chỗ mua ma túy đá. Q nói “em biết chỗ mua”. Sau đó T điều khiển xe máy chở Q lên thành phố T mục đích để cả hai đi mua ma túy về cùng nhau sử dụng. Dưới sự chỉ dẫn của Q, T chở Q đến khu vực cổng chính bệnh viện đa khoa tỉnh T, thuộc khu vực tổ 23, phường T, thành phố T thì dừng lại. Tại đây T đưa cho Q 300.000 đồng, T đứng chờ ngoài cổng còn Q cầm tiền đi bộ vào bên trong khu vực Bệnh viện Đa khoa tỉnh T gặp và mua của một người nam giới khoảng 30 tuổi (Q không quen biết) 300.000 đồng được một gói nhỏ ma túy bên ngoài được gói bằng giấy trắng mềm. Sau khi mua được ma túy Q cầm gói ma túy này ở lòng bàn tay phải rồi đi bộ ra chỗ T đang đứng chờ. Khi Q vừa đến chỗ T thì bị tổ công tác Công an thành phố T thấy cả hai có biểu hiện liên quan đến ma túy nên đã yêu cầu kiểm tra đối với T và Q. Khi kiểm tra có sự chứng kiến của hai người làm chứng là anh Trần Văn T, sinh năm 1993; Trú tại thôn T, xã V, thành phố T và anh Đào Xuân H, sinh năm 1973; Trú tại thôn H, xã Q, huyện K, tỉnh T. Q tự giác đưa từ lòng bàn tay phải của Q ra giao nộp cho tổ công tác 01 gói nhỏ được gói bằng giấy trắng mềm, bên trong là túi nilon màu trắng trong cùng chứa các chất tinh thể màu trắng. Q khai nhận đó là ma túy đá mua về để Q và T sử dụng chung. Tổ công tác gói lại và niêm phong vào phong bì dán kín mép có chữ ký của Q, T và hai người làm chứng. Tổ công tác đã mời người làm chứng và yêu cầu T và Q về trụ sở công an thành phố T. Tại trụ sở công an thành phố T, kiểm tra người Bùi Văn Q tổ công tác thu của Q 02 điện thoại di động: 01 chiếc nhãn hiệu Samsung màu vàng, 01 chiếc nhãn hiệu Masstel màu đen (đều đã qua sử dụng); kiểm tra người Phạm Văn T tổ công tác thu 01 ví da màu đen bên trong có 01 chứng minh thư nhân dân, 01 giấy phép lái xe đều mang tên T, kiểm tra xe máy do T điều khiển nhưng không phát hiện và thu

giữ gìn. Sau đó tổ công tác lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, niêm phong vật chứng gửi giám định.

Tại bản kết luận giám định số 255/KLGD-PC45 ngày 20/6/2017 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T kết luận: “*Mẫu gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có trọng lượng 1,6119 gam (một phẩy sáu nghìn một trăm mười chín)*”.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Phạm Văn T và Bùi Văn Q khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

Bản cáo trạng số 130/KSĐT ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình truy tố để xét xử đối với các bị cáo Phạm Văn T và Bùi Văn Q về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo Phạm Văn T và Bùi Văn Q về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình đề nghị Hội đồng xét xử

Áp dụng: Điều 194, khoản 1; Điều 46, khoản 1, điểm p; Điều 20; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; Điều 7, khoản 3; Điều 249, khoản 1, điểm c Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn T mức án tù 15 tháng đến 18 tháng tù thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 20/6/2017.

Áp dụng: Điều 194, khoản 1; Điều 46, khoản 1, khoản 2, điểm p; Điều 20; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; Điều 7, khoản 3; Điều 249, khoản 1, điểm c Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Văn Q mức án tù 15 tháng đến 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 20/6/2017.

Và các vấn đề khác cần giải quyết trong vụ án.

Các bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét điều kiện hoàn cảnh gia đình các bị cáo, các bị cáo phạm tội lần đầu nên cho các bị cáo hưởng mức án thấp nhất để các bị cáo yên tâm cải tạo, sớm trở về với gia đình, trở thành người công dân có ích cho xã hội.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị H trình bày: Về nguồn gốc chiếc xe máy nhãn hiệu Honda AirBlade FI, màu vàng đen trắng biển số 17B9-092.53 mang tên Phạm Văn T, trong quá trình cơ quan Công an thu giữ đã xác định là tài sản của gia đình tôi, nên tôi đã được thông báo nhận lại chiếc xe trên trong tình trạng còn nguyên vẹn, tôi không có yêu cầu gì khác. Mong HĐXX xem xét cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại Bộ luật hình sự để các bị cáo yên tâm cải tạo, giáo dục trở thành công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án , căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi , quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền , trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng , người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Ngày 19/6/2017 tại khu vực cổng chính Bệnh viện Đa khoa tỉnh T, thuộc khu vực tổ 23, phường T, thành phố T, tỉnh T. Phạm Văn T và Bùi Văn Q có hành vi tàng trữ trái phép **1,6119 gam** (*một phẩy sáu nghìn một trăm mười chín gam*) với mục đích để sử dụng cho bản thân, bị tổ công tác Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình phát hiện bắt quả tang.

Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của những người làm chứng anh Trần Văn T, anh Đào Xuân H (bút lục 56 – 61). Phù hợp với các tài liệu , chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như biên bản bắt người phạm tội quả tang do Công an thành phố Thái Bình lập hồi 22 giờ 15 phút ngày 19/6/2017. (bút lục số 02, 03); Biên bản niêm phong vật chứng (bút lục số 20); Bản Kết luận giám định số 255/KLGĐ - PC54 ngày 20/6/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình (bút lục số 26).

Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận Phạm Văn T, Bùi Văn Q đã phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo Điều 194, khoản 1 Bộ luật hình sự năm 1999.

Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định:

“1. Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm”.

Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm: ...

c) Hêrôin, côcain, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;...”

Theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 mức hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm là cao hơn so với mức hình phạt tù từ 01 năm đến 05 năm quy định tại Điều 249, khoản 1 Bộ luật Hình sự năm 2015. Căn cứ vào những quy định có lợi cho các bị cáo do thay đổi chính sách pháp luật Hình sự của Nhà nước theo Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; Điều 7, khoản 3; Điều 249, khoản 1, điểm c Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xét tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo thấy hành vi phạm tội của các bị cáo Phạm Văn T, Bùi Văn Q là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quy định quản lý chất gây nghiện của Nhà nước và chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy. Ma túy không những làm sa sút về sức khỏe trí tuệ con người mà nó còn làm hủy hoại đạo đức nhân cách con người, là tác nhân lan truyền đại dịch HIV/AIDS, là nguồn gốc phát sinh các loại tội phạm khác trong xã hội gây ảnh hưởng đến an ninh, trật tự xã hội.

Trong vụ án này bị cáo T và bị cáo Q là đồng phạm và thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, bản thân các bị cáo đều là người nghiện ma túy nên Q chủ động khởi xướng việc mua ma túy và T là người bỏ tiền đưa cho Q mua ma túy, Q là người trực tiếp giao dịch mua và nhận ma túy để sử dụng chung. Vì vậy vai trò của các bị cáo T và Q trong vụ án này là ngang nhau, khi xét xử cần áp dụng mức hình phạt ngang nhau và phạt tù có thời hạn để cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định mới đảm bảo hiệu quả của việc cải tạo, giáo dục cũng như phòng chống tội phạm chung.

Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn nên được áp dụng một tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 46, khoản 1, điểm p Bộ luật hình sự. Ngoài ra ông Bùi Văn T (là bố đẻ bị cáo Q) được Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến công hạng ba nên bị cáo Q được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại Điều 46, khoản 2 Bộ luật Hình sự năm 1999.

- Bản thân các bị cáo là người nghiện ma túy, có hành vi tàng trữ ma túy với mục đích sử dụng. Vì vậy không cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo là phù hợp.

- Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đều khai đã mua ma túy của một người nam giới khoảng 30 tuổi, không quen biết, trong khu vực lối đi vào của Bệnh viện Đa khoa tỉnh T. Qua điều tra, xác minh, không xác định được cụ thể người bán ma túy cho các bị cáo nên không đủ căn cứ để xử lý.

** Về xử lý vật chứng:*

- Số ma túy thu giữ được của các bị cáo là vật thuộc loại Nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với xe máy nhãn hiệu Honda AirBlade FI, màu vàng đen trắng biển số 17B9-092.53 qua điều tra xác định tài sản được đăng ký mang tên anh Hà Quốc H - SN 1978; ĐKKH: SN 10/04, tổ 34, phường B, Thành phố T. Anh H đã bán chiếc xe trên cho anh Trần Trí T - SN 1967; Trú tại: SN 390, đường L, tổ 08, phường T, Thành phố T (chủ cửa hàng xe máy T - H). Tháng 09/2016 T mua lại chiếc xe trên làm phương tiện đi lại cho cả gia đình bằng số tiền của chị Đỗ Thị H (mẹ đẻ T). Ngày 11/7/2017 Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho chị H chiếc xe máy trên để quản lý và sử dụng. Chị H nhận lại và không có ý kiến gì. HĐXX xét thấy phù hợp cần chấp nhận.

- Đối với 02 chiếc điện thoại di động (01 điện thoại nhãn hiệu Samsung màu vàng, 01 điện thoại nhãn hiệu Masstel màu đen đều đã qua sử dụng) cơ quan điều tra

bắt, quản lý và thu giữ của Bùi Văn Q. Trong quá trình điều tra xác định chiếc điện thoại samsung màu vàng là của bị cáo T, theo T khai bị cáo đi từ huyện K lên T phố T, khi lên T phố bị cáo gặp Q và do để túi quần chật nên bị cáo đã đưa cho Q ngồi sau cầm hộ. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều khai nhận chiếc điện thoại trên của các bị cáo chỉ dùng vào việc liên lạc cho gia đình và bạn bè, không liên quan đến việc mua ma túy. Vì vậy cần trả lại cho bị cáo Q và T điện thoại trên là phù hợp.

- 01 ví da màu đen; 01 chứng minh thư nhân dân, 01 giấy phép lái xe đều mang tên Phạm Văn T, không liên quan đến vụ án. Cần trả lại bị cáo T là phù hợp.

*** Về án phí:** Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn T và Bùi Văn Q phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

2. Hình phạt:

- Áp dụng Điều 194, khoản 1; Điều 46, khoản 1, điểm p; Điều 20; Điều 33 Bộ luật Hình sự 1999 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; Điều 7, khoản 3; Điều 249, khoản 1, điểm c Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 20/6/2017.

- Áp dụng Điều 194, khoản 1; Điều 46, khoản 1, khoản 2, điểm p; Điều 20; Điều 33 Bộ luật Hình sự 1999 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; Điều 7, khoản 3; Điều 249, khoản 1, điểm c Bộ luật Hình sự năm 2015

- Xử phạt bị cáo Bùi Văn Q 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 20/6/2017.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự và Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Tịch thu tiêu hủy số ma túy, loại Methamphetamin còn lại sau giám định được niêm phong trong phong bì số 255/KLGD-PC45 ngày 11/7/2017 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình.

- Trả lại bị cáo Bùi Văn Q 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen (đã qua sử dụng). Nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo Thi hành án.

- Trả lại bị cáo T 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung màu vàng, 01 ví da màu đen, 01 chứng minh thư nhân dân, 01 giấy phép lái xe đều mang tên Phạm Văn T. Nhưng tiếp tục quản lý chiếc điện thoại để đảm bảo Thi hành án.

4. Về án phí : Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Phạm Văn T và Bùi Văn Q mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Các bị cáo; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 23/8/2017.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND TP. Thái Bình;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS TP. Thái Bình;
- Công an thành phố Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Xuân Huyền